

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HS-ST

Ngày: 13-02-2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến

2. Bà La Thị Thu Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/HSST-QĐ ngày 14/01/2026; Thông báo dời phiên tòa số 08/TB-TA ngày 29/01/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1982 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1948; vợ: Nguyễn Thị Loan P, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Ngày 13/4/2001 bị Toà án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tuyên phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 06/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 22/12/2014 bị Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 90/2014. Bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 14/3/2019 bị Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 14/2019/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 07/7/2020 bị Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 42/2020, tổng hợp hình phạt với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số 92/2019/HSST ngày 18/6/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 02 năm tù, tổng hợp hình phạt là 03 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị bắt ngày 24-6-2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Hồ T - Trại giam S, Công an thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1985. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Hồ T - Trại giam S, Công an Thành phố H (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến:

Ông Phan Văn T1, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp H, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 09/6/2025, trong khi tuần tra đảm bảo an ninh trật tự địa bàn, khi đến khu vực ấp H, xã P, huyện X cũ (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh), Công an xã P (nay là Công an xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 72V1-3579 chở Nguyễn Đức T có biểu hiện nghi vấn sử dụng ma túy nên tiến hành kiểm tra. Tam tự nguyện giao nộp 01 gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất kết tinh màu trắng cất giấu trong túi quần bên phải và khai nhận là H. Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong tang vật theo quy định; ngoài ra còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động Redmi Note. Xét nghiệm chất ma túy đối với T, Đ cho kết quả dương tính (+) với chất ma túy. Tiến hành kiểm tra thông tin, dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động thu giữ của T không phát hiện nội dung liên quan đến ma túy. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại ấp H, xã P, huyện X (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng không phát hiện, tạm giữ gì liên quan đến ma túy.

Quá trình điều tra, T khai nhận: Trước đó, được bạn bè ngoài xã hội giới thiệu tại khu vực bên Đ, Thành phố V (cũ) có người bán ma túy nên khoảng 10 giờ ngày 07/6/2025, T đi xe buýt đến khu vực trên tìm hỏi thì gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch), qua nói chuyện, T mua của người đàn ông (không rõ lai lịch) 1.000.000đ ma túy Heroine mục đích sử dụng dần. Ma túy mua được, T đưa về phòng trọ thuộc ấp H, xã P cũ (nay là xã H) lấy một ít ra sử dụng, số ma túy còn lại cất giấu trong túi

quần để sử dụng khi có nhu cầu. Khoảng 11 giờ ngày 09/6/2025, T nhờ Đ chở đến nhà Đ lấy xe mô tô do Tam mượn để đi lại. Khi cả hai đi đến khu vực ấp H, xã P (nay là xã H) thì bị Công an phát hiện, tạm giữ tang vật và yêu cầu về trụ sở làm việc.

Tại kết luận giám định số 346/KL-KTHS-MT ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) kết luận: Một phong bì màu cam được niêm phong, có hình dấu của Công an xã P - Công an tỉnh B cùng các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Minh H1, Võ Hoàng P1, Phan Văn T1, Trần Văn Đ, Nguyễn Đức T, bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa chất rắn màu trắng có khối lượng 0,5955 gam, là ma túy, loại Heroin (H). Mẫu vật đã được sử dụng hết trong quá trình giám định.

Về vật chứng tạm giữ: 01 phong bì màu cam được niêm phong vụ số 346 có hình dấu của Phòng K - Công an tỉnh B cùng các chữ ký ghi họ tên: Thượng tá Nguyễn D, Hoàng Thị L1 M1 do Phòng K Công an tỉnh B hoàn lại sau giám định (mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định);

01 điện thoại di động Redmi, màu đen, số IMEI1: 864129079877264, số IMEI2: 864129079877272, gắn sim số: 0931209107 được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có hình dấu của Công an xã P cùng các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Minh H1, Lê Huy T2, Nguyễn Đức T, Phan Văn T1.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu huỷ ma túy còn lại sau giám định;

Đối với 01 điện thoại di động Redmi, màu đen, số IMEI1: 864129079877264, số IMEI2: 864129079877272 bên trong có gắn 01 sim điện thoại, số sê ri trên sim 8401230812777167IDE không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Đức T là đối tượng sử dụng ma túy. Để có ma túy sử dụng, ngày 07/9/2025 T đi xe buýt đến khu vực B thuộc Thành phố V (cũ) tìm gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi mua 1.000.000đ ma túy Heroin mục đích để sử dụng dần. Sau khi mua được ma túy, T đưa về phòng trọ thuộc ấp H, xã H và lấy ra một ít để sử dụng, số ma túy còn lại Tam cất giấu trong túi quần và sử dụng khi có nhu cầu. Khoảng 11 giờ ngày 09/6/2025 Tam nhờ Trần Văn Đ chở đến nhà Đ để lấy xe mô tô do Tam mượn để đi lại, khi cả hai đang lưu thông đến khu vực thuộc ấp H, xã H thì bị lực lượng chức năng phát hiện Tam tàng trữ ma túy và lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại kết luận giám định số 346/KL-KTHS-MT ngày 13/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) thì ma túy Tam tàng trữ có khối lượng là 0.5955 gam ma túy, loại Heroin. Như vậy, hành vi tàng trữ ma túy với khối lượng 0.5955 gam loại Heroin của bị cáo T với mục đích để sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được tác hại của ma túy, biết rõ Nhà nước cấm tất cả các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo là người từng sử dụng ma túy nên hiểu rõ hơn ai hết tác hại của ma túy đối với cơ thể nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, hình phạt đối với bị cáo nhất thiết phải là tù giam, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội

một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 phong bì màu cam được niêm có hình dấu của Phòng K Công an tỉnh B cùng các chữ ký ghi họ tên: Thượng tá Nguyễn D, Hoàng Thị L1 M1 do Phòng K Công an tỉnh B hoàn lại sau giám định (mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định) là chất cấm nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Redmi, màu đen, số IMEI1: 864129079877264, số IMEI2: 864129079877272, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại, số sê ri trên sim 8401230812777167IDE (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Trần Văn Đ không biết T cất giấu ma túy trong người và cũng không biết nguồn gốc ma túy của T nên không xem xét xử lý đối với Đ là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T. Hiện chưa rõ nhân thân lai lịch nên tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của họ;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 24-6-2025).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong vụ số 346 có hình dấu của Phòng K Công an tỉnh B cùng các chữ ký ghi họ tên: Thượng tá Nguyễn D, Hoàng

Thị L1 M1 do Phòng K Công an tỉnh B hoàn lại sau giám định (mẫu vật đã xử lý hết trong quá trình giám định)

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T: 01 điện thoại di động Redmi, màu đen, số IMEI1: 864129079877264, số IMEI2: 864129079877272, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại, số sê ri trên sim: 8401230812777167IDE (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy)

(Vật chứng thu giữ đang được Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 57/BB-THADS(14), ngày 23/12/2025).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 14 - Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- PV06, PC10 – Công an Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 14 - Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- PV06, PC10 – Công an Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

